

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2022/DS-ST  
Ngày 19 tháng 10 năm 2022  
V/v “Tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Liêm  
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2022/TLST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2022/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 388/2022/QĐST-DS, ngày 14 tháng 9 năm 2022; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 399/2022/QĐST-DS, ngày 28 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1. Ông Vũ Hoàng K, sinh năm 1986. Có mặt.  
1.2. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1985. Có mặt.

Cùng địa chỉ: đường S, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1967. Có mặt.  
2.2. Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1968. Có mặt.

Cùng địa chỉ: đường H, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết ông Vũ Hoàng K và bà Đặng Thị C trình bày:

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Phòng Công chứng A, vợ chồng ông bà có ký hợp đồng cho vay tiền mặt không có tài sản đảm bảo đối với người vay là ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị Kim L, số tiền cho vay theo hợp đồng 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng, tiền lãi trả vào ngày 05 tây hàng tháng, kỳ hạn vay đến ngày 31/12/2020. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vào Công ty cấp nước của ông L.

Do ông bà chưa có đủ 1.500.000.000 đồng, nên qua nhiều lần giao tiền cho ông L bằng nhiều hình thức chuyển khoản, nhận trực tiếp. Đến tháng 6/2020 ông bà đã giao đủ cho ông L, bà Kim L 1.500.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đóng lãi được 180.000.000 đồng của tháng 7, 8, 9, 10, 11, 12/2020; Tháng 01/2021 ông L đóng lãi 30.000.000 đồng; Ngày 21/5/2021 ông L đóng lãi 20.000.000 đồng; Ngày 15/6/2021 ông L đóng lãi 20.000.000 đồng; Ngày 10/7/2021 ông L đóng lãi 16.000.000 đồng; Ngày 17/01/2022 ông L đóng lãi 50.000.000 đồng; Ngày 20/6/2022 ông L đóng lãi 10.000.000 đồng. Các lần đóng lãi đều do ông L chuyển khoản cho ông K. Tổng tiền lãi ông L trả cho ông bà được 326.000.0000 đồng.

Ông K, bà C xác định khoản nợ trên là khoản nợ được xác lập giữa ông K, bà C với ông L, bà Kim L. Không liên quan đến Công ty cấp nước T. Mặc dù, nhận tiền vay và đóng lãi vay đều do ông L trực tiếp giao dịch với ông bà, nhưng việc vay số tiền trên bà Kim L có biết và có ký tên vào hợp đồng vay tiền (không có tài sản bảo đảm) ngày 07/5/2020 giữa ông Vũ Hoàng K, bà Đặng Thị C với ông Nguyễn Thanh L, bà Phạm Thị Kim L. Hợp đồng vay tiền có Phòng Công chứng A chứng nhận cùng ngày.

Do ông L, bà Kim L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông bà yêu cầu ông L và bà Kim L liên đới trả ông bà vốn vay 1.500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính Hợp đồng vay tiền do Phòng Công chứng A chứng nhận ngày 07/5/2020.

*Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Thanh L trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của ông K, bà C về việc ông và bà Kim L vay của ông K, bà C 1.500.000.000 đồng. Ông và bà Kim L xác nhận có ký tên, ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền ngày 07/5/2020 theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Ông nhận đủ tiền vay 1.500.000.000 đồng theo hợp đồng, lãi suất 1,66%/ tháng, thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2020. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Mặc dù hợp đồng vay tiền giữa 2 bên được xác lập vào ngày 07/5/2020, nhưng đến tháng 6/2020 ông K, bà C mới giao đủ cho ông 1.500.000.000 đồng. Do đó, các bên thỏa thuận từ tháng 7/2020 mới trả lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, do việc kinh doanh gặp khó khăn nên việc đóng lãi không như thỏa thuận.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông xác nhận còn nợ và đồng ý tự chịu trách nhiệm trả cho ông K, bà C nợ gốc 1.500.000.000 đồng. Đối với tiền lãi đã trả 326.000.000 đồng, ông không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu của ông K, bà C yêu cầu bà Kim L liên đới chịu trách nhiệm trả 1.500.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Vì, tuy bà Kim L có ký tên trong hợp đồng vay tiền, nhưng ông là người trực tiếp nhận tiền, sử dụng vốn vay và đóng lãi cho ông K, bà C. Bà Kim L không liên quan đến số nợ trên, do vậy, ông không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Kim L cùng trả nợ với ông.

*Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết bà Phạm Thị Kim L trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của ông K, bà C về việc bà và ông L ký tên vào Hợp đồng vay tiền (không có tài sản bảo đảm) do Phòng Công chứng A chứng nhận ngày 07/5/2020 để vay 1.500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng, thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2020; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, nhưng thực tế bà không sử dụng 1.500.000.000 đồng vay của ông K, bà C.

Bà đồng ý với ý kiến của ông L về việc bà không sử dụng vốn vay 1.500.000.000 đồng, nên bà không có nghĩa vụ liên đới với ông L trong việc trả 1.500.000.000 đồng cho ông K, bà C.

*Tại phiên tòa:*

Ông K, bà C vẫn yêu cầu ông L và bà Kim L liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông bà tiền vốn còn nợ 1.500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông L, bà Kim L vẫn giữ ý kiến như trình bày. Ngoài ra, ông L còn trình bày nguồn gốc số tiền ông K, bà C cho ông vay là do di vợ của ông K (di bà C) ở nước ngoài gửi về cho vay và ông cũng có làm biên nhận cho di bà C khoản nợ này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Vũ Hoàng K, bà Đặng Thị C khởi kiện ông Nguyễn Thanh L, bà Phạm Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông L, bà Kim L cư ngụ tại khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Ông K, bà C khởi kiện yêu cầu ông L, bà Kim L liên đới chịu trách nhiệm trả 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Hợp đồng vay tiền (không có tài sản bảo đảm) do Phòng Công chứng A chứng nhận ngày 07/5/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông bà đã nhận được 326.000.0000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi bị đơn đóng chưa đủ, chưa đúng như các bên thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền. Tuy nhiên, đối với số tiền lãi đã nhận ông bà thống nhất ý kiến của bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và ông bà cũng không yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với khoảng thời gian ông L, bà Kim L chưa đóng lãi cho ông bà.

[2.2]. Ông L thừa nhận ông và bà Kim L có vay và nhận đủ số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) của ông K, bà C như Hợp đồng vay tiền (không có tài sản bảo đảm) do Phòng Công chứng A chứng nhận ngày 07/5/2020 thể hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, do việc kinh doanh có khó khăn nên ông không đóng lãi cho nguyên đơn như thỏa thuận.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông K, bà C, ông L thống nhất còn nợ và đồng ý tự chịu trách nhiệm trả cho ông K, bà C vốn vay 1.500.000.000 đồng. Đối với tiền lãi đã đóng 326.000.0000 đồng, ông không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ông cũng không yêu cầu bà Kim L liên đới chịu trách nhiệm trả 1.500.000.000 đồng cho ông K, bà C. Vì bà Kim L không liên quan đến số nợ trên.

[2.3]. Bà Kim L thống nhất lời trình bày của ông L về việc ông bà có ký tên trong hợp đồng vay 07/5/2020, có nhận đủ tiền vay theo hợp đồng và đến nay còn nợ ông K, bà C 1.500.000.000 đồng, bà cũng đồng ý lời trình bày của ông L về nghĩa vụ trả nợ cho ông K, bà C. Do bà không trực tiếp sử dụng số tiền vay nên bà không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả nợ như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng vay tiền do Phòng Công chứng A chứng nhận ngày 07/5/2020 có nội dung: Bên A (ông Vũ Hoàng K, bà Đặng Thị C) cho bên B (ông Nguyễn Thanh L, bà Phạm Thị Kim L) vay số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng); thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2020; Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất 1,66%/tháng, là thể hiện giao dịch dân sự giữa ông K, bà C với ông L, bà Kim L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung, hình thức hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[4]. Qua lời trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, ông K, bà C và ông L, bà Kim L đều thống nhất các bên tự nguyện thỏa thuận khi xác lập Hợp đồng vay tiền (không có tài sản bảo đảm) do Phòng Công chứng A chứng nhận ngày 07/5/2020. Ông L, bà Kim L cũng thừa nhận ông bà có nhận đủ số tiền vay 1.500.000.000 đồng theo hợp đồng, chỉ trả được 326.000.0000 đồng tiền lãi, đến nay chưa thanh toán vốn cho ông K, bà C. Các đương sự thống nhất số tiền lãi đã đóng không tranh chấp không yêu cầu giải quyết, nguyên đơn cũng không yêu cầu tiếp tục

tính lãi đối với khoảng thời gian bị đơn chưa đóng lãi. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giá trị pháp lý của Hợp đồng vay tiền (không có tài sản bảo đảm) do Phòng Công chứng A chứng nhận ngày 07/5/2020, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định, những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh” chấp nhận Hợp đồng vay tiền ngày 07/5/2020 do các bên xác lập là chứng cứ giải quyết vụ án.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông K, bà C yêu cầu ông L, bà Kim L liên đới nghĩa vụ trả cho ông bà 1.500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông L đồng ý tự chịu trách nhiệm trả ông K, bà C 1.500.000.000 đồng. Bà Kim L không đồng ý liên đới trả nợ cho ông K, bà C vì cho rằng bà chỉ ký tên vào hợp đồng vay tiền, không sử dụng tiền vay của ông K, bà C.

Đối với ý kiến của ông L, bà Kim L cho rằng bà Kim L không trực tiếp sử dụng số tiền 1.500.000.000 đồng vay của ông K, bà C nên bà Kim L không có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, như đã lập luận trên việc ông L, bà Kim L ký tên vào Hợp đồng vay tiền ngày 07/5/2020 là ý chí tự nguyện của bà Kim L khi xác lập hợp đồng dân sự, thỏa các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Thời gian này ông L và bà Kim L vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân.

Đồng thời, mục đích vay tiền là để bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cho kinh tế gia đình, nên có căn cứ xác định đây là nợ chung trong thời kì hôn nhân của ông L và bà Kim L. Do ông L, bà Kim L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông K, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà Kim L liên đới thực hiện nghĩa vụ trả vốn vay 1.500.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do ông L, bà Kim L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, nên ông K, bà C khởi kiện ông L, bà Kim L liên đới chịu trách nhiệm trả 1.500.000.000đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất, ông K, bà C không yêu cầu ông L, bà Kim L trả lãi đối với số tiền còn nợ tương ứng thời gian chưa trả lãi. Ông L, bà Kim L không yêu cầu xem xét phần tiền lãi đã đóng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của ông L tại phiên tòa cho rằng, nguồn gốc số tiền ông K, bà C cho ông vay là do di của bà C ở nước ngoài gửi về cho vay và ông cũng có làm biên nhận cho di bà C khoản nợ này. Xét thấy, quá trình giải quyết cả nguyên đơn và bị đơn không trình bày hoặc có tranh chấp về vấn đề này, không cung cấp tài liệu,

chứng cứ có liên quan chứng minh cho trình bày trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu các đương sự có tranh chấp, giải quyết bằng vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông L và bà Kim L liên đới chịu 57.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông K, bà C 1.500.000.000 đồng. Do ông L, bà Kim L có đơn xin miễn giảm án phí, được Ủy ban nhân dân phường K xác nhận, nên Hội đồng xét xử giảm án phí. Ông L và bà Kim L còn phải liên đới chịu 28.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông K, bà C không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 5; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hoàng K và bà Đặng Thị C đối với ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị Kim L.

Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vũ Hoàng K và bà Đặng Thị C số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

#### **2. Về án phí:**

Ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị Kim L liên đới chịu 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Hoàng K và bà Đặng Thị C được nhận lại 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001314, ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi gửi:**

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**Nguyễn Thị Hoa**